TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2019
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Thoi.
2. Bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt– Thư ký Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985. Có mặt.
HKTT: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1981. Đề nghị xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Trần Thị T trình bày: Chị T kết hôn với anh Nguyễn Văn D tháng 02/2005, sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 4 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có quan hệ bất chính với người khác và đã có con chung với nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình có hòa giải, dàn xếp nhưng không có kết quả. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chi T xin được ly hôn anh D.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 01/5/2006 hiện nay đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Hiện nay chị T đang đi làm công nhân tại Khu Công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên có mức thu nhập 8.000.000đồng/ 1 tháng.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh Dân và chị Thu kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 01 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên chị T nghi ngờ cho anh có quan hệ bất chính với người khác và làm đơn xin ly hôn anh và mang con về nhà đẻ ở không hỏi han anh và gia đình, chị T bỏ đi từ ngày 09/7/2018 cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh D nữa và cũng không liên lạc với anh D và gia đình. Nay chị T xin ly hôn anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D nhất trí ly hôn chị Thu.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 01/5/2006 hiện nay đang ở với chị T. Sau khi ly hôn anh D nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh D làm nghề tự do, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000đồng/ 1 tháng.

Tài sản, ruộng canh tác, công nợ không có vướng mắc gì, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 và khoản 1 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

-Con chung: Giao cho chị Trần Thị T được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 01/5/2006.

-Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn D có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã N, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn D vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ang Nguyễn Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 – BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2005 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh D kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày là do anh D có quan hệ bất chính với người khác và đã có con với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh D. Anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh D nhất trí. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập để tiến hành hòa giải giữa chị T và anh D để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh D không đến làm việc, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai bên được, đồng thời chị T và anh D đều không có nguyện vọng đoàn tụ chung sống. Xét việc thuận tình ly hôn giữa chị T và ánh D là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Vì vậy, cần xử cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp pháp luật.

[3] Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 01/5/2006 nay đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị T và anh D đều nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T và anh D sau khi ly hôn là có căn cứ, anh D và chị T đều có thu nhập hàng tháng. Tuy nhiên, hiện nay con chung đang ở với chị T, để đảm sự ổn định cuộc sống không bị xáo trộn cũng như sự phát triển bình thường và tạo điều kiện cho con được phát triển tốt về mọi mặt, cần giao chị Trần Thị T nuôi con chung của vợ chồng và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung mong muốn được ở với chị T là phù hợp pháp luật. Do chị T không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Anh Nguyễn Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Chị T và anh D không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 và khoản 1 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí; Xử:

-Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

-Con chung: Giao cho chị Trần Thị T được nuôi con chung của vợ chồng là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 01/5/2006. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị T.

Anh Nguyễn Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

-Án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05246 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. (Xác nhận chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí).

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Việt Yên;
-CCTHADS huyện Việt Yên;
-UBND xã N;
-Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp